

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 11  
TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN PHÚ

**NỘI DUNG HỌC TẬP TẠI NHÀ**  
**Trong thời gian học sinh được nghỉ do dịch Covid – 19**  
**MÔN: NGỮ VĂN 6**  
**TUẦN 16**  
**Thời gian: Từ 10/5/2021 đến 14/5/2021**

**Tiết 1:**

**ÔN TẬP VỀ DẤU CÂU (DẤU CHẤM, DẤU CHẤM HỎI, DẤU CHẤM THAN)**

**I. Công dụng:**

**1) Ví dụ 1 SGK/ 149**

- a) Ôi thôi, chú mày ơi ! Chú mày ... khôn.
- b) Con có nhận ra con không ?
- c) Cá ơi giúp tôi với ! Thương tôi với !
- d) Giời chớm hè. Cây cối um tùm. Cả làng thơm.

\* Chấm 1 ghi nhớ SGK/150

**2) Ví dụ 2 SGK/149**

- a) Câu 2+4: Câu cầu khiến nhưng cuối câu đều có dấu chấm.
- b) Dấu (?) và (!) đặt trong ngoặc đơn để thể hiện thái độ nghi ngờ hoặc châm biếm đối với nội dung của một từ ngữ đứng trước hoặc với nội dung của một từ ngữ đứng trước hoặc với nội dung cả câu.

\* Chấm 2 ghi nhớ SGK/150.

**II. Chữa một số lỗi thường gặp:**

**1) Ví dụ 1 SGK/ 150**

- a) Câu 2: Việc dùng dấu phẩy làm cho câu này thành một câu ghép có 2 vế nhưng 2 vế câu không liên quan chặt chẽ với nhau.

Sửa :dùng dấu chấm để tạo thành 2 câu (như câu a1) là đúng.

- b) Câu 1: Việc dùng dấu chấm để tách 2 câu là không hợp lý, làm cho phần VN2 bị tách khỏi CN, 2 VN nối với nhau bằng quan hệ từ: vừa ... vừa,...

Sửa : dùng dấu (!) ở đây là hợp lý.

**2) Ví dụ 2 SGK/ 151**

- a) Dấu (?) ở đây không phù hợp vì đây không phải là câu nghi vấn.
- b) Câu 3 là câu trần thuật nên dùng dấu (!) ở cuối câu là không đúng.

**III. Luyện tập:**

Bài 1: (Tr/151)

Đặt dấu (.) sau các từ:

..sông Lương...đen xám...đã đến...toả khói...trắng xoá.

Bài 2: (Tr /151)

- Chưa? → thay = dấu (.)

- nếu tới...vậy? → thay = dấu (.)

Bài 3 : (Tr/152)

Động Phong Nha thật đúng là “ đệ nhất kì quan” của nước ta!

Bài 4 : (Tr/ 152)

- (?)

- (!)

- (.)
- (?), (!), (!)
- (.)

## Tiết 2:

### ÔN TẬP VỀ DẤU CÂU ( DẤU PHẨY)

#### I. Công dụng của dấu phẩy:

##### 1. Ví dụ SGK/ 157

- a) Vừa lúc đó, sứ giả ...ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt đến. Chú bé vùng dậy, vươn vai một cái, bỗng ... trắng sĩa.
- b) Suốt một đời người, từ ... xuôi tay, tre với mình sống chết có nhau, chung thủy.
- c) Nước bị cản ... tứ tung, thuyền... xuống.

##### 2. Ghi nhớ: SGK/158.

#### II. Chữa một số lỗi thường gặp:

HS sửa trong SGK.

#### III. Luyện tập:

##### Bài tập 1 SGK/159

- a) Từ xưa đến nay, Thánh Gióng ...yêu nước,... VN ta.
- b) Buổi sáng, sương muối ...cành cây, bãi cỏ... Núi đồi, thung lũng, làng bản chìm trong biển mây mù. Mây bò trên mặt đất, tràn vào trong nhà, quấn lấy người đi đường.

##### Bài tập 2 SGK/ 159

- a) Vào giờ tan tầm, xe ô tô, xe đạp, xe máy đi lại nườm nượp trên đường phố.
- b) Trong vườn, hoa lan, hoa huệ, hoa hồng đua nhau nở rộ.
- c) Dọc theo bờ sông, những vườn ổi, vườn nhãn xum xuê, trĩu quả

##### Bài tập 3 SGK/ 159

- a)...thu mình trên cành cây, tụt cổ lại.
- b)...thăm trường cũ, thầy cô, bạn bè.
- c) ...thăng, xòe cánh quạt
- d)...xanh biếc, hiền hòa.

## Tiết 3:

### TỔNG KẾT PHẦN VĂN VÀ TẬP LÀM VĂN

#### A. TỔNG KẾT PHẦN VĂN

##### Câu 1:

- Văn bản tự sự:
- + Tự sự dân gian
- + Tự sự trung đại
- + Tự sự hiện đại
- Văn bản miêu tả
- Văn bản biểu cảm - chính luận: (Bút kí)

- Văn bản nhật dụng

**Câu 2:**

- Ôn lại các khái niệm:

+ Truyện dân gian (các thể loại truyện dân gian)

+ Văn bản nhật dụng

+ Truyện trung đại

**Câu 3:**

- HS lập bảng thống kê các nhân vật chính trong các truyện đã học theo mẫu.

**Câu 4:**

- HS lựa chọn nhân vật mình thích nhất và giải thích lý do.

**Câu 5:**

- Giống: Phải có cốt truyện, nhân vật, chi tiết, lời kể, tả.

**Câu 6:**

- Những văn bản thể hiện lòng yêu nước:

Thánh Gióng, Sự tích Hồ Gươm, Cây tre, Lòng yêu nước, Buổi học cuối cùng, Cầu Long Biên – Chứng nhân lịch sử, Bức thư của Thủ lĩnh da đỏ, Động Phong Nha.

- Những văn bản thể hiện tinh thần nhân ái:

Con Rồng cháu Tiên, Bánh chưng bánh giầy, Sơn Tinh, Thủy Tinh, ....(các tác phẩm đã học).

**B. TỔNG KẾT PHẦN TẬP LÀM VĂN**

**I. Các loại văn bản và phương thức biểu đạt:**

TT	Các phương thức biểu đạt	Thể hiện qua các văn bản đã học
1	Tự sự	Con Rồng, cháu Tiên; Bánh chưng, bánh giầy; Thánh Gióng; Sơn Tinh, Thủy Tinh; Sự tích Hồ Gươm; Sọ Dừa; Thạch Sanh; Em bé thông minh; Cây bút thần; Ông lão đánh cá và con cá vàng;Ếch ngồi đáy giếng; Treo biển; Thầy bói xem voi; Lợn cưới, áo mới;...
2	Miêu tả	Bài học đương đời đầu tiên, Sông nước Cà Mau, Vượt thác, Cô Tô, Lao xao, Cây tre VN,...
3	Biểu cảm	Lượm, Đêm nay Bác không ngủ, Mưa,...
4	Nghị luận	Lòng yêu nước, Bức thư của Thủ lĩnh da đỏ.
5	Nhật dụng (Thuyết minh - giới thiệu)	Cầu Long Biên – chứng nhân lịch sử, Động Phong Nha, Bức thư của Thủ lĩnh da đỏ.

6	Hành chính – công vụ	Đơn từ (theo mẫu hoặc không theo mẫu).
---	----------------------	--

## II. Phương thức biểu đạt chính:

TT	Tên văn bản	Phương thức biểu đạt chính
1	Thạch Sanh	Tự sự
2	Lượm	Tự sự, miêu tả, biểu cảm
3	Mưa	Miêu tả
4	Bài học đường đời đầu tiên	Tự sự, miêu tả
5	Cây tre Việt Nam	Miêu tả, biểu cảm

## III. Điền vào cột theo bảng sau:

TT	Phương thức biểu đạt	Đã tập làm
1	Tự sự	X
2	Miêu tả	X
3	Biểu cảm	
4	Nghị luận	

### Tiết 4:

## TỔNG KẾT PHẦN TIẾNG VIỆT

### I. Từ và cấu tạo từ:

#### 1. Từ là gì?

- Từ là đơn vị cấu tạo nên câu.

VD: thân, dạy, trồng trọt, chăn nuôi,...

#### 2. Thế nào là từ đơn? Từ phức?

- Từ đơn là từ chỉ có một tiếng.

VD: thân, dạy,...

- Từ phức là từ gồm hai tiếng trở lên.

VD: trồng trọt, chăn nuôi,...

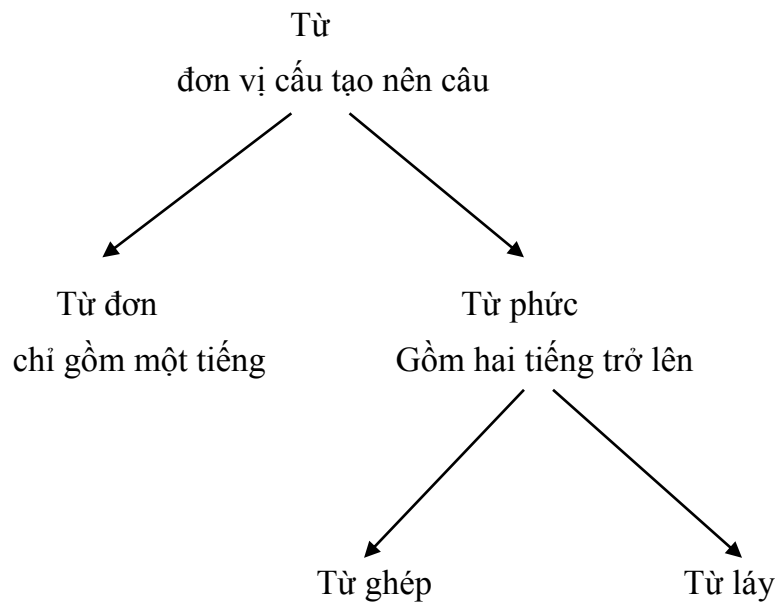
- Từ phức được tạo ra bằng cách kết hợp các tiếng có quan hệ về nghĩa với nhau thì gọi là từ ghép.

VD: chăn nuôi, sách vở,...

- Từ phức được tạo ra bằng cách kết hợp các tiếng có quan hệ lập âm với nhau thì gọi là từ láy.

VD: vui vẻ, chăm chỉ,...

\* Sơ đồ:



## II. Từ loại và cụm từ:

1) Từ loại:

- Danh từ
- Động từ
- Tính từ
- Số từ
- Lượng từ
- Chỉ từ
- Phó từ

2) Cụm từ:

- Cụm danh từ
- Cụm động từ
- Cụm tính từ

## III. Nghĩa của từ:

- Nghĩa của từ có hai loại:
  - + Nghĩa gốc
  - + Nghĩa chuyển
- Ví dụ:

## IV. Nguồn gốc của từ:

- Từ thuần Việt.
- Từ mượn: Tiếng Hán và tiếng Ấn – Âu.

**NỘI DUNG HỌC TẬP TẠI NHÀ**  
**Trong thời gian học sinh được nghỉ do dịch Covid – 19**  
**MÔN: NGỮ VĂN 6**  
**TUẦN 17**  
**Thời gian: Từ 17/5 đến 21/5**

**Tiết 1,2:**

**ÔN TẬP TỔNG HỢP**

**I. Phần đọc - hiểu văn bản:**

**\* Đọc:**

1. Văn học dân gian.
2. Truyện trung đại.
3. Truyện – kí – thơ tự sự – trữ tình hiện đại.
4. Văn bản nhật dụng.

**\* Nội dung cần nắm:**

1. Cốt truyện, nhân vật chính, chi tiết, hình ảnh tiêu biểu.
2. Nghệ thuật miêu tả, kể chuyện: Thứ tự kể, ngôi kể...
3. Các biện pháp tu từ:... tác dụng.
4. Chủ đề và ý nghĩa của văn bản.

**II. Phần Tiếng Việt:**

**1. Học kì I:**

- Từ mượn, nghĩa của từ, hiện tượng chuyển nghĩa của từ.
- Các từ loại.

**2. Học kì II:**

- Các vấn đề câu.
- Các biện pháp tu từ.

**III. Phần Tập làm văn:**

**1. Học kì I:**

- Tự sự kể chuyện:
  - + Kể lại truyện dân gian.
  - + Kể chuyện đời thường.
  - + Kể chuyện sáng tạo, tưởng tượng.

**2. Học kì II:**

- Tả cảnh thiên nhiên.
- Tả cảnh sinh hoạt
- Tả đồ vật, con vật.
- Tả người ( chân dung, trong hoạt động).
- Miêu tả tưởng tượng, sáng tạo.
- Đơn từ:
  - + Theo mẫu.
  - + Không theo mẫu.

**3. Cách làm: Văn tự sự, Miêu tả, Đơn từ.**